

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CQ THĂNG LONG
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI VÀ DỊCH VỤ CQ THĂNG LONG

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: THANG LONG CQ TRADE AND SERVICES COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt:

2. Mã số doanh nghiệp: 0108321601

3. Ngày thành lập: 22/06/2018

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 1233 đường Bạch Đằng, Phường Thanh Lương, Quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại:

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
2.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
3.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
4.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
5.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
6.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
7.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
8.	Vận tải hành khách đường bộ khác	4932
9.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
10.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
11.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ (trừ kinh doanh kết cấu hạ tầng đường sắt; hóa lỏng khí để vận chuyển)	5221
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: Hoạt động của đại lý làm thủ tục hải quan; giao nhận hàng hóa, hoạt động của các đại lý bán vé máy bay	5229
13.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

14.	Dịch vụ ăn uống khác	5629
15.	Xuất bản phần mềm Chi tiết: Sản xuất phần mềm	5820
16.	Lập trình máy vi tính	6201
17.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
18.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính	6209
19.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
20.	Cổng thông tin chi tiết: Thiết lập trang thông tin điện tử tổng hợp.	6312
21.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
22.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Chi tiết: Thiết kế nội thất	7110
23.	Quảng cáo	7310
24.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng chi tiết: thiết kế đồ họa, thiết kế website, thiết kế tạo mẫu bằng máy vi tính	7410
25.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác Chi tiết: Cho thuê máy móc, thiết bị xây dựng	7730
26.	Cung ứng và quản lý nguồn lao động , bao gồm lao động trong nước	7830
27.	Đại lý du lịch	7911
28.	Điều hành tua du lịch	7912
29.	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7920
30.	Vệ sinh chung nhà cửa	8121
31.	Vệ sinh nhà cửa và các công trình khác	8129
32.	Dịch vụ chăm sóc và duy trì cảnh quan	8130
33.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
34.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: Tổ chức hội nghị, hội thảo	8230
35.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu cụ thể: dạy ngoại ngữ và kỹ năng đàm thoại, đào tạo kỹ năng nói trước công chúng, dạy đọc nhanh, các dịch vụ dạy kèm	8559
36.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục	8560
37.	Hoạt động sáng tác, nghệ thuật và giải trí	9000
38.	Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi	9511
39.	Sửa chữa thiết bị liên lạc (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9512
40.	Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng (trừ gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở)	9521
41.	Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình	9522
42.	Sản xuất vali, túi xách và các loại tương tự, sản xuất yên đệm	1512

43.	In ấn	1811
44.	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét	0810
45.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác	0990
46.	Dịch vụ liên quan đến in	1812
47.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Sản xuất hộp đèn quảng cáo, băng rôn	3290
48.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
49.	Sửa chữa thiết bị điện	3314
50.	Sửa chữa thiết bị khác	3319
51.	Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp	3320
52.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
53.	Xây dựng nhà các loại	4100
54.	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ Chi tiết: xây dựng công trình giao thông	4210
55.	Xây dựng công trình công ích	4220
56.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
57.	Phá dỡ	4311
58.	Chuẩn bị mặt bằng	4312
59.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
60.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hoà không khí	4322
61.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
62.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
63.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390
64.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác	4511
65.	Bán lẻ ô tô con (loại 12 chỗ ngồi trở xuống)	4512
66.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4513
67.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
68.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4530(Chính)
69.	Bán mô tô, xe máy	4541
70.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
71.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (không bao gồm hoạt động đầu giá)	4543
72.	Đại lý, môi giới, đầu giá chi tiết: Đại lý, môi giới	4610
73.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
74.	Bán buôn thực phẩm	4632

75.	Bán buôn đồ uống	4633
76.	Bán buôn vải, hàng may sẵn, giày dép	4641
77.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (trừ được phẩm)	4649
78.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
79.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
80.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi). Bán buôn máy móc, thiết bị điện, vật liệu điện (máy phát điện, động cơ điện, dây điện và thiết bị khác dùng trong mạch điện). Bán buôn thiết bị camera. Bán buôn máy móc, thiết bị máy đếm tiền	4659
81.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
82.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
83.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu chi tiết: Bán buôn hộp đèn quảng cáo, băng rôn	4669
84.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722

6. Vốn điều lệ: 3.000.000.000 VNĐ

7. Danh sách thành viên góp vốn:

STT	Tên thành viên	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Giá trị vốn góp (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số CMND (hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác) đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
1	NGUYỄN NGỌC QUÝ	Khu Trà Xuyên, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam	1.470.000.000	49,000	125576637	
2	TRẦN HÙNG CƯỜNG	Thôn Sông Lô 2, Xã An Tường, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam	1.530.000.000	51,000	070591524	

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: TRẦN HÙNG CUỒNG Giới tính: Nam
Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên
Sinh ngày: 01/01/1980 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam
Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân
Số giấy chứng thực cá nhân: 070591524
Ngày cấp: 07/04/2010 Nơi cấp: Công an tỉnh Tuyên Quang
Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn Sông Lô 2, Xã An Tường, Thành phố Tuyên
Quang, Tỉnh Tuyên Quang, Việt Nam
Ổ ở hiện tại: Thôn Sông Lô 2, Xã An Tường, Thành phố Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên
Quang, Việt Nam

*** Họ và tên:** NGUYỄN NGỌC QUÝ **Giới tính:** Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 25/04/1993 **Dân tộc:** Kinh **Quốc tịch:** Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 125576637

Ngày cấp: 09/08/2011 **Nơi cấp:** Công an tỉnh Bắc Ninh

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Khu Trà Xuyên, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Khu Trà Xuyên, Phường Khúc Xuyên, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội